

Số: /TĐHS-STNMT

Quảng Ngãi, ngày tháng 8 năm 2023

## **BÁO CÁO THẨM ĐỊNH**

### **Hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Quảng Ngãi, khai thác nguồn nước dưới đất công trình Nhà tang lễ Quảng Ngãi**

Kính gửi: UBND tỉnh Quảng Ngãi

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Quảng Ngãi ngày 09/3/2023 (kèm theo Bản kê khai tính tiền cấp quyền và các tài liệu liên quan); Sau khi xem xét hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ với các nội dung sau:

#### **I. Căn cứ pháp lý:**

- Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;
- Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;
- Căn cứ Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;
- Căn cứ Quyết định số 51/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;
- Căn cứ Quyết định số 1947/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030;
- Căn cứ Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Danh mục các vùng hạn chế và vùng cho phép khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;
- Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 84/GP-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi;
- Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 24/GP-UBND ngày 15/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

#### **II. Các thông tin chung:**

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Quảng Ngãi.
2. Địa chỉ: đường Tô Hiến Thành, tổ 18, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
3. Số điện thoại: 0255 3816930.
4. Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn Quang.
5. Chức vụ: Tổng Giám đốc.
6. Mã số thuế: 4300225555.
7. Tên công trình khai thác: Nhà tang lễ Quảng Ngãi.
8. Vị trí, địa chỉ của công trình khai thác nước: phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
9. Thời gian công trình bắt đầu vận hành: Từ tháng 6/2015 và được cấp giấy phép tài nguyên nước lần 2, giấy phép có hiệu lực từ ngày 15/5/2023 với các nội dung sau:
  - Mục đích khai thác, sử dụng nước: tưới cây, rửa đường trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi.
  - Tổng lượng nước khai thác: 198m<sup>3</sup>/ngày đêm với chế độ khai thác 365 ngày trong năm (trong đó: Tưới cây 143 m<sup>3</sup>/ngày đêm; Rửa đường 55 m<sup>3</sup>/ngày đêm).
  - Chiều sâu giếng: 14,5m.
  - Thời hạn của giấy phép: 05 năm.

### **III. Kết quả thẩm định tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước:**

Số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty phải nộp được xác định theo công thức sau:

$$T = W \times G \times K \times M$$

Trong đó:

T - Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, đơn vị tính là đồng Việt Nam;

W - Sản lượng khai thác nước để tính tiền cấp quyền, đơn vị tính m<sup>3</sup>;

G - Giá tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, đơn vị tính là đồng Việt Nam/m<sup>3</sup>;

K – Hệ số điều chỉnh;

M - Mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, đơn vị tính là phần trăm (%).

**1. Xác định các thông số tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cụ thể như sau:**

**1.1. Sản lượng tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (W):**

$W = \text{Luu lượng khai thác phải nộp tiền (m}^3\text{/ngày đêm)} \times \text{chế độ khai thác trong năm} \times \text{thời gian tính tiền (tính bằng ngày)}$ .

Trong đó:

- Lưu lượng khai thác phải nộp tiền cấp quyền: 198 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Chế độ khai thác: tính bằng số ngày khai thác trong năm chia (/) 365 ngày = 365/365 = 1.
- Thời gian tính tiền: 1.963 ngày (kể từ ngày 30/12/2022 giấy phép số 84/GP-UBND ngày 29/12/2017 hết hiệu lực, đến hết ngày 15/5/2028).

### 1.2. Giá tính tiền cấp quyền khai thác tại thời điểm kê khai (G):

Theo Quyết định số 51/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi: 6000 đồng/m<sup>3</sup>.

### 1.3. Hệ số điều chỉnh (K):

$$K = 1 + (K_1 + K_2 + K_3)$$

Trong đó:

K1 - Hệ số chất lượng nguồn nước khai thác = 0,3 (trên cơ sở chất lượng nguồn nước do chủ giấy phép cung cấp: nguồn nước dưới đất có tổng lượng chất rắn hòa tan TDS dưới 1.000 mg/l);

K2 - Hệ số loại nguồn nước khai thác = 0,4 (khai thác nước dưới đất tại vùng hạn chế khai thác nước dưới đất);

K3 - Hệ số điều kiện khai thác = 0,1 (tầng chứa nước có chiều sâu nhỏ hơn 100 m).

$$K = 1 + (0,3 + 0,4 + 0,1) = 1,8$$

(Phụ lục II của Nghị định số 41/2021/NĐ-CP)

1.4. Mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (M): khai thác nước dưới đất dùng cho kinh doanh, dịch vụ tưới cây, rửa đường, mức thu M = 2%.

(Phụ lục I của Nghị định 41/2021/NĐ-CP)

### 1.5. Kết quả tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

TT	Thời gian khai thác (năm)	Thời gian tính tiền cấp quyền (ngày)		số ngày	Lưu lượng khai thác phải nộp tiền cấp quyền (m <sup>3</sup> /ngày đêm)	Chế độ khai thác	Sản lượng khai thác nước để tính tiền cấp quyền - W (m <sup>3</sup> )	Đơn giá - G (đồng)	Hệ số điều chỉnh - K	Mức thu - M (%)	Thành tiền - T (VNĐ)
		từ ngày	đến ngày								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(5)* *(6)*(7)	(9)	(10)	(11)	(12)=(8)* *(9) *(10)*(11)

1	2022	30/12/2022	31/12/2022	2	198	365/365	396	6.000	1,8	2	85.536
2	2023			365	198	365/366	72.270	6.000	1,8	2	15.610.320
3	2024			365	198	365/365	72.270	6.000	1,8	2	15.610.320
4	2025			365	198	365/365	72.270	6.000	1,8	2	15.610.320
5	2026			365	198	365/365	72.270	6.000	1,8	2	15.610.320
6	2027			365	198	365/366	72.270	6.000	1,8	2	15.610.320
7	2028	01/01/2028	15/05/2028	136	198	365/365	26.928	6.000	1,8	2	5.816.448
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>1.963</b>							<b>83.953.584</b>

**2. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước:** 83.953.584 đồng  
(Tám mươi ba triệu, chín trăm năm mươi ba nghìn, năm trăm tám mươi bốn đồng).

### 3. Phương án nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

a) Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp: 83.953.584 đồng, trong đó:

- Số tiền phải nộp theo năm:

- Số tiền phải nộp năm đầu tiên (từ ngày 30/12/2022 đến ngày 31/12/2023): 15.695.856 đồng.

- Số tiền phải nộp hàng năm tiếp theo (2024, 2025, 2026, 2027): 15.610.320 đồng.

- Số tiền phải nộp năm cuối cùng (từ ngày 01/01/2028 đến ngày 15/5/2028): 5.816.448 đồng.

b) Phương án nộp tiền: nộp theo Năm.

### IV. Kết luận:

Hồ sơ được lập đúng theo quy định tại Nghị định 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

Đây là nội dung thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường về hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Quảng Ngãi./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, Phó GD Sở;
- Lưu: VT, TNN (vn).

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Quốc Tân**